

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 142/Tr-UBND

Bù Đăng, ngày 14 tháng 7 năm 2020

TỜ TRÌNH

**V/v đề nghị thông qua quyết định chủ trương đầu tư các dự án nhóm C
thuộc kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025
nguồn ngân sách địa phương**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện.

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2015/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về việc thông qua tiêu chí xác định dự án đầu tư công trọng điểm nhóm C trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

UBND huyện Bù Đăng kính trình HĐND huyện quyết định chủ trương đầu tư các dự án trọng điểm nhóm C thuộc kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương, với các nội dung như sau:

1. Tổng mức đầu tư các dự án: 1.038.400 triệu đồng.

2. Tổng số dự án: 76 dự án.

Trong đó:

2.1. Phân theo nhóm:

- Nhóm C: 76 dự án.

2.2. Phân theo lĩnh vực:

- Lĩnh vực hành chính: 03 dự án.

- Lĩnh vực giao thông: 27 dự án.

- Lĩnh vực giáo dục: 36 dự án.

- Lĩnh vực khác: 10 dự án.

(Kèm theo bảng danh mục và thông tin chi tiết các dự án)

UBND huyện trình HĐND huyện xem xét, quyết định.

Nơi nhận: *leuh*

- Như kính gửi;
- Các ban HĐND;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình





DANH MỤC CÁC DỰ ÁN NHÓM C GIAI ĐOẠN 2021-2025

Kèm theo Tờ trình số 42/TTr-UBND ngày 14/7/2020 của UBND huyện Bù Đăng

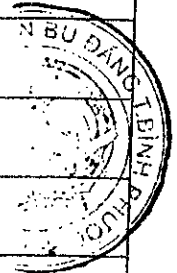
STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	TMĐT	Nhóm dự án	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
A	TỔNG SỐ		1.038.400		
I	LĨNH VỰC HÀNH CHÍNH		110.000		
1	Xây dựng trụ sở làm việc Huyện ủy QH điểm mới. (bao gồm sân vườn, khuôn viên)	Đức Phong	30.000	C	
2	Xây dựng trụ sở Khối cơ quan QH điểm mới. (bao gồm sân vườn, khuôn viên)	Đức Phong	50.000	C	
3	Xây dựng trụ sở Công an huyện QH điểm mới. (bao gồm sân vườn, khuôn viên)	Đức Phong	30.000	C	
II	LĨNH VỰC GIAO THÔNG		457.200		
1	Xây dựng thâm nhập nhựa đường số 4-số 6 nối tuyến thông qua chợ cũ 300 m, xã Đường 10	Đường 10	4.000	C	
2	Xây dựng BTXM đường thôn 3 đi thôn 4 (4km), thôn 2 đi thôn 5 (2km), xã Đường 10	Đường 10	6.000	C	
3	Xây dựng thâm nhập nhựa đường nội ô TTHC xã Thống Nhất (2,7 km)	Thống Nhất	6.000	C	
4	Xây dựng thâm nhập nhựa đường đi thôn 9, xã Thống Nhất (7 km)	Thống Nhất	14.000	C	
5	Xây dựng đường Nơ Trang Long nối dài đến Lý Thường Kiệt	Đức Phong	60.000	C	
6	Xây dựng đường quanh hồ 7 mẫu dài 3km	Đức Phong	15.000	C	
7	Xây dựng đường DI nối dài đi cụm CN1 Minh Hưng dài 5km	Đức Phong	25.000	C	
8	Nâng cấp đường Đoàn Đức Thái (nối dài) 0,5km	Đức Phong	2.000	C	
9	Xây dựng các tuyến đường trong khu quy hoạch dân cư Lý Thường Kiệt 2,5km	Đức Phong	10.000	C	
10	Xây dựng các tuyến đường trong khu quy hoạch mở rộng 100 ha thị trấn Đức Phong (15km)	Đức Phong	30.000	C	
11	Nâng cấp, mở rộng đường khu Đức Thiện (cạnh xưởng điều Long Đăng) đi xã Đoàn Kết (1km)	Đức Phong	2.000	C	
12	Nâng cấp, đường vào sóc Bù Ra Mang (0,7km)	Đoàn Kết	1.200	C	
13	Lắp đặt hệ thống chiếu sáng các tuyến đường TTHC các xã trên địa bàn huyện		20.000	C	
14	Nâng cấp bê tông nhựa đường từ Đường 10 đi Đăk Nhau dài 6km	Đường 10	24.000	C	

Handwritten signature

15	Nâng cấp đường tư QL14 đi hầm đá Thôn 1 Minh Hưng dài 2,2km	Minh Hưng	4.000	C	
16	Xây dựng các tuyến đường khu TTHC xã Đức Liễu (dài 14 km)	Đức Liễu	50.000	C	
17	Nâng cấp láng nhựa đường từ Thôn 12 xã Thống Nhất đi Thôn 2 xã Đàng Hà dài 17km	Thống Nhất	25.000	C	
18	Nâng cấp đường từ Đồng Nai đi QL14 xã Phú Sơn dài 5 km (gấp trạm thu phí số 01)	Đồng Nai	7.000	C	
19	Đường liên thôn khu 23 xã Bom Bo dài 2 km	Bom Bo	4.000	C	
20	Đường liên thôn ngã ba tình nghĩa thôn 2, đi thôn 7 xã Bình Minh dài 2,5km	Bình Minh	5.000	C	
21	Xây dựng đường DH10 từ đầu tuyến đi KCN Minh Hưng 2	Minh Hưng	43.000	C	
22	Xây dựng đường DH8 Nghĩa Bình đi Nghĩa Trung	Nghĩa Trung	20.000	C	
23	Xây dựng đường DH16 đi Chùa Thanh Đức		5.000	C	
24	Xây dựng đường DH18 đi quanh hồ Minh Hưng	Minh Hưng	15.000	C	
25	Xây dựng đường BTXM, trồng cây xanh dọc các tuyến đường xã Đức Liễu	Đức Liễu	45.000	C	
26	Điều chỉnh quy hoạch TTHC các xã		10.000	C	
27	Quy hoạch mới các khu dân cư trên địa bàn huyện		5.000	C	
III	LĨNH VỰC GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO		368.200		
1	Xây dựng Khối hiệu bộ, các phòng chức năng, các hạng mục phụ Trường THCS Nguyễn Khuyến, xã Đường 10	Đường 10	15.000	C	
2	Xây dựng Khối hiệu bộ, các hạng mục phụ Trường MG Thanh Bình, xã Đường 10	Đường 10	12.000	C	
3	Xây dựng 4 phòng chức năng Trường TH Nguyễn Thái Bình, xã Thống Nhất	Thống Nhất	3.000	C	
4	Xây dựng Khối hiệu bộ Trường THCS Thống Nhất, xã Thống Nhất	Thống Nhất	10.000	C	
5	Xây dựng 01 phòng học (Điểm thôn 5) Trường TH Đồng Nai, xã Đồng Nai	Đồng Nai	600	C	
6	Xây dựng 10 phòng học lâu Trường TH Đăk Nhau	Đăk Nhau	6.000	C	
7	Xây dựng Trường TH Nguyễn Văn Trỗi, xã Thống Nhất	Thống Nhất	30.000	C	
8	Xây dựng khu hiệu bộ, 6 phòng học, 10 phòng chức năng và 20 phòng ở KTX Trường PTĐINT THCS Điều Ong, thị trấn Đức Phong	Đức Phong	30.000	C	
9	Xây dựng 6 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Thọ Sơn, xã Thọ Sơn	Thọ Sơn	6.000	C	
10	Xây dựng 16 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Đoàn Kết, xã Đoàn Kết	Đoàn Kết	12.000	C	

Handwritten signature

11	Xây dựng khu hiệu bộ Trường TH Đoàn Kết, xã Đoàn Kết	Đoàn Kết	6.000	C	
12	Xây dựng khu hiệu bộ Trường TH Thọ Sơn, xã Thọ Sơn	Thọ Sơn	6.000	C	
13	Xây dựng 4 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Trần Phú, xã Thọ Sơn	Thọ Sơn	4.800	C	
14	Xây dựng khu hiệu bộ Trường MG Hoa Sen, xã Đoàn Kết	Đoàn Kết	6.000	C	
15	Xây dựng 14 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Lê Hồng Phong, xã Phước Sơn	Phước Sơn	10.800	C	
16	Xây dựng 4 phòng học và 4 phòng chức năng, khối hiệu bộ Trường TH Phước Sơn, xã Phước Sơn	Phước Sơn	10.800	C	
17	Xây dựng 10 phòng học và 4 phòng chức năng, khối hiệu bộ Trường TH Đăk Nhay, xã Đăk Nhay	Đăk Nhay	20.400	C	
18	Xây dựng 10 phòng học và 4 phòng chức năng, khối hiệu bộ Trường TH Trần Quốc Toản, xã Đăk Nhay	Đăk Nhay	14.400	C	
19	Xây dựng khu hiệu bộ Trường MG Phước Sơn	Phước Sơn	6.000	C	
20	Xây dựng khu hiệu bộ Trường THCS Võ Trường Toản, xã Phước Sơn	Phước Sơn	6.000	C	
21	Xây dựng khu hiệu bộ Trường THCS Chu Văn An, xã Đăk Nhay	Đăk Nhay	6.000	C	
22	Xây dựng 12 phòng học và 8 phòng chức năng Trường TH&THCS Nghĩa Bình, xã Nghĩa Bình	Nghĩa Bình	12.000	C	
23	Xây dựng 12 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Đồng Nai, xã Đồng Nai	Đồng Nai	7.200	C	
24	Xây dựng khu hiệu bộ Trường TH &THCS Nghĩa Bình, xã Nghĩa Bình	Nghĩa Bình	6.000	C	
25	Xây dựng khu hiệu bộ Trường TH&THCS Đoàn Đức Thái, xã Đồng Nai	Đồng Nai	6.000	C	
26	Xây dựng 12 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Đức Liễu, xã Đức Liễu	Đức Liễu	7.200	C	
27	Xây dựng 20 phòng học và 4 phòng chức năng, khối hiệu bộ Trường TH Đăng Hà, xã Đăng Hà	Đăng Hà	20.400	C	
28	Xây dựng khu hiệu bộ Trường MG Hoa Cúc, xã Đăng Hà	Đăng Hà	6.000	C	
29	Xây dựng 16 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Trần Văn Ôn, xã Bom Bo	Bom Bo	12.000	C	
30	Xây dựng 18 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Đức Phong, thị trấn Đức Phong	Đức Phong	13.200	C	
31	Xây dựng 16 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Lê Lợi, thị trấn Đức phong	Đức Phong	12.000	C	
32	Xây dựng 12 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Minh Hưng, xã Minh Hưng	Minh Hưng	9.600	C	
33	Xây dựng 18 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Kim Đồng, xã Đức Liễu	Đức Liễu	13.200	C	
34	Xây dựng 12 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Tô Vĩnh Diện, xã Bình Minh	Bình Minh	9.600	C	



Handwritten signature or mark.

35	Xây dựng 8 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Phú Sơn, xã Phú Sơn	Phú Sơn	7.200	C	
36	Xây dựng 4 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Thống Nhất, xã Thống Nhất	Thống Nhất	4.800	C	
IV	LĨNH VỰC KHÁC		103.000		
1	Nạo vét mở rộng lòng suối, xây kè, đường đi và hệ thống chiếu sáng suối Đăk Woa (giai đoạn II)	Đức Phòng	30.000	C	
2	Xây dựng Hệ thống cấp nước tập trung xã Nghĩa Bình, huyện Bù Đăng	Nghĩa Bình	8.000	C	
3	Nâng cấp, cải tạo Hệ thống cấp nước tập trung xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng	Đức Liễu	5.000	C	
4	Nâng cấp, cải tạo Hệ thống cấp nước tập trung xã Nghĩa Trung, huyện Bù Đăng	Nghĩa Trung	5.000	C	
5	Nâng cấp, cải tạo Hệ thống cấp nước tập trung xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng	Phước Sơn	5.000	C	
6	Nâng cấp, cải tạo Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Sơn, huyện Bù Đăng	Phú Sơn	5.000	C	
7	Nâng cấp, cải tạo Hệ thống cấp nước tập trung xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng	Thọ Sơn	5.000	C	
8	Nâng cấp, cải tạo Hệ thống cấp nước tập trung xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng	Đồng Nai	5.000	C	
9	Cải tạo, nâng cấp chính trang và xây dựng khu chợ phụ chợ Bù Đăng	Đức Phòng	5.000	C	
10	Cải tạo, nâng cấp chính trang và xây dựng các chợ ở các xã		30.000	C	

Đức

Số: /NQ-HĐND

Bù Đăng, ngày tháng năm 2020

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quyết định chủ trương đầu tư các dự án nhóm C thuộc kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG
KHÓA VI - KỲ HỌP THỨ MƯỜI**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 21 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND-KTXH ngày tháng năm 2020 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân huyện quyết định chủ trương đầu tư các dự án nhóm C thuộc kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương, với các nội dung như sau:

1. Tổng mức đầu tư các dự án: 1.038.400 triệu đồng.

2. Tổng số dự án: 76 dự án.

Trong đó:

2.1. Phân theo nhóm:

- Nhóm C: 76 dự án.

2.2. Phân theo lĩnh vực:

- Lĩnh vực hành chính: 03 dự án.

- Lĩnh vực giao thông: 27 dự án.

- Lĩnh vực giáo dục: 36 dự án.

- Lĩnh vực khác: 10 dự án.

(Kèm theo bảng danh mục và thông tin chi tiết các dự án)

(Kèm theo bảng danh mục và thông tin chi tiết các dự án)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân huyện và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Bù Đăng khóa VI, Kỳ họp thứ Mười thông qua ngày tháng năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- UBND huyện;
- Ủy ban MTTQVN huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Các Tổ đại biểu HĐND huyện;
- Các vị đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện;
- TT. HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Ban biên tập website huyện;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN NHÓM C GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2020 của HĐND huyện Bù Đăng)

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	TMBĐT	Nhóm dự án	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
A	TỔNG SỐ		1.038.400		
I	LĨNH VỰC HÀNH CHÍNH		110.000		
1	Xây dựng trụ sở làm việc Huyện ủy QH điểm mới. (bao gồm sân vườn, khuôn viên)	Đức Phong	30.000	C	
2	Xây dựng trụ sở Khối cơ quan QH điểm mới. (bao gồm sân vườn, khuôn viên)	Đức Phong	50.000	C	
3	Xây dựng trụ sở Công an huyện QH điểm mới. (bao gồm sân vườn, khuôn viên)	Đức Phong	30.000	C	
II	LĨNH VỰC GIAO THÔNG		457.200		
1	Xây dựng thâm nhập nhựa đường số 4-số 6 nối tuyến thông qua chợ cũ 300 m, xã Đường 10	Đường 10	4.000	C	
2	Xây dựng BTXM đường thôn 3 đi thôn 4 (4km), thôn 2 đi thôn 5 (2km), xã Đường 10	Đường 10	6.000	C	
3	Xây dựng thâm nhập nhựa đường nội ô TTHC xã Thống Nhất (2,7 km)	Thống Nhất	6.000	C	
4	Xây dựng thâm nhập nhựa đường đi thôn 9, xã Thống Nhất (7 km)	Thống Nhất	14.000	C	
5	Xây dựng đường Nơ Trang Long nối dài đến Lý Thường Kiệt	Đức Phong	60.000	C	
6	Xây dựng đường quanh hồ 7 mẫu dài 3km	Đức Phong	15.000	C	
7	Xây dựng đường D1 nối dài đi cụm CN1 Minh Hưng dài 5km	Đức Phong	25.000	C	
8	Nâng cấp đường Đoàn Đức Thái (nối dài) 0,5km	Đức Phong	2.000	C	
9	Xây dựng các tuyến đường trong khu quy hoạch dân cư Lý Thường Kiệt 2,5km	Đức Phong	10.000	C	
10	Xây dựng các tuyến đường trong khu quy hoạch mở rộng 100 ha thị trấn Đức Phong (15km)	Đức Phong	30.000	C	
11	Nâng cấp, mở rộng đường khu Đức Thiện (cạnh xưởng điều Long Đăng) đi xã Đoàn Kết (1km)	Đức Phong	2.000	C	
12	Nâng cấp, đường vào sóc Bù Ra Mang (0,7km)	Đoàn Kết	1.200	C	
13	Lắp đặt hệ thống chiếu sáng các tuyến đường TTHC các xã trên địa bàn huyện		20.000	C	
14	Nâng cấp bê tông nhựa đường từ Đường 10 đi Đăk Nhau dài 6km	Đường 10	24.000	C	

15	Nâng cấp đường tư QL14 đi hầm đá Thôn 1 Minh Hưng dài 2,2km	Minh Hưng	4.000	C	
16	Xây dựng các tuyến đường khu TTHC xã Đức Liễu (dài 14 km)	Đức Liễu	50.000	C	
17	Nâng cấp láng nhựa đường từ Thôn 12 xã Thống Nhất đi Thôn 2 xã Đăng Hà dài 17km	Thống Nhất	25.000	C	
18	Nâng cấp đường từ Đồng Nai đi QL14 xã Phú Sơn dài 5 km (giáp trạm thu phí số 01)	Đồng Nai	7.000	C	
19	Đường liên thôn khu 23 xã Bom Bo dài 2 km	Bom Bo	4.000	C	
20	Đường liên thôn ngã ba tình nghĩa thôn 2, đi thôn 7 xã Bình Minh dài 2,5km	Bình Minh	5.000	C	
21	Xây dựng đường DH10 từ đầu tuyến đi KCN Minh Hưng 2	Minh Hưng	43.000	C	
22	Xây dựng đường DH8 Nghĩa Bình đi Nghĩa Trung	Nghĩa Trung	20.000	C	
23	Xây dựng đường DH16 đi Chùa Thanh Đức		5.000	C	
24	Xây dựng đường DH18 đi quanh hồ Minh Hưng	Minh Hưng	15.000	C	
25	Xây dựng đường BTXM, trồng cây xanh dọc các tuyến đường xã Đức Liễu	Đức Liễu	45.000	C	
26	Điều chỉnh quy hoạch TTHC các xã		10.000	C	
27	Quy hoạch mới các khu dân cư trên địa bàn huyện		5.000	C	
III	LĨNH VỰC GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO		368.200		
1	Xây dựng Khối hiệu bộ, các phòng chức năng, các hạng mục phụ Trường THCS Nguyễn Khuyến, xã Đường 10	Đường 10	15.000	C	
2	Xây dựng Khối hiệu bộ, các hạng mục phụ Trường MG Thanh Bình, xã Đường 10	Đường 10	12.000	C	
3	Xây dựng 4 phòng chức năng Trường TH Nguyễn Thái Bình, xã Thống Nhất	Thống Nhất	3.000	C	
4	Xây dựng Khối hiệu bộ Trường THCS Thống Nhất, xã Thống Nhất	Thống Nhất	10.000	C	
5	Xây dựng 01 phòng học (Điểm thôn 5) Trường TH Đồng Nai, xã Đồng Nai	Đồng Nai	600	C	
6	Xây dựng 10 phòng học lầu Trường TH Đăk Nhau	Đăk Nhau	6.000	C	
7	Xây dựng Trường TH Nguyễn Văn Trỗi, xã Thống Nhất	Thống Nhất	30.000	C	
8	Xây dựng khu hiệu bộ, 6 phòng học, 10 phòng chức năng và 20 phòng ở KTX Trường PTDTNT THCS Điều Ong, thị trấn Đức Phong	Đức Phong	30.000	C	
9	Xây dựng 6 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Thọ Sơn, xã Thọ Sơn	Thọ Sơn	6.000	C	
10	Xây dựng 16 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Đoàn Kết, xã Đoàn Kết	Đoàn Kết	12.000	C	

11	Xây dựng khu hiệu bộ Trường TH Đoàn Kết, xã Đoàn Kết	Đoàn Kết	6.000	C	
12	Xây dựng khu hiệu bộ Trường TH Thọ Sơn, xã Thọ Sơn	Thọ Sơn	6.000	C	
13	Xây dựng 4 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Trần Phú, xã Thọ Sơn	Thọ Sơn	4.800	C	
14	Xây dựng khu hiệu bộ Trường MG Hoa Sen, xã Đoàn Kết	Đoàn Kết	6.000	C	
15	Xây dựng 14 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Lê Hồng Phong, xã Phước Sơn	Phước Sơn	10.800	C	
16	Xây dựng 4 phòng học và 4 phòng chức năng, khối hiệu bộ Trường TH Phước Sơn, xã Phước Sơn	Phước Sơn	10.800	C	
17	Xây dựng 10 phòng học và 4 phòng chức năng, khối hiệu bộ Trường TH Đak Nhay, xã Đak Nhay	Đak Nhay	20.400	C	
18	Xây dựng 10 phòng học và 4 phòng chức năng, khối hiệu bộ Trường TH Trần Quốc Toàn, xã Đak Nhay	Đak Nhay	14.400	C	
19	Xây dựng khu hiệu bộ Trường MG Phước Sơn	Phước Sơn	6.000	C	
20	Xây dựng khu hiệu bộ Trường THCS Võ Trường Toàn, xã Phước Sơn	Phước Sơn	6.000	C	
21	Xây dựng khu hiệu bộ Trường THCS Chu Văn An, xã Đak Nhay	Đak Nhay	6.000	C	
22	Xây dựng 12 phòng học và 8 phòng chức năng Trường TH&THCS Nghĩa Bình, xã Nghĩa Bình	Nghĩa Bình	12.000	C	
23	Xây dựng 12 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Đồng Nai, xã Đồng Nai	Đồng Nai	7.200	C	
24	Xây dựng khu hiệu bộ Trường TH & THCS Nghĩa Bình, xã Nghĩa Bình	Nghĩa Bình	6.000	C	
25	Xây dựng khu hiệu bộ Trường TH&THCS Đoàn Đức Thái, xã Đồng Nai	Đồng Nai	6.000	C	
26	Xây dựng 12 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Đức Liễu, xã Đức Liễu	Đức Liễu	7.200	C	
27	Xây dựng 20 phòng học và 4 phòng chức năng, khối hiệu bộ Trường TH Đăng Hà, xã Đăng Hà	Đăng Hà	20.400	C	
28	Xây dựng khu hiệu bộ Trường MG Hoa Cúc, xã Đăng Hà	Đăng Hà	6.000	C	
29	Xây dựng 16 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Trần Văn Ôn, xã Bom Bo	Bom Bo	12.000	C	
30	Xây dựng 18 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Đức Phong, thị trấn Đức Phong	Đức Phong	13.200	C	
31	Xây dựng 16 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Lê Lợi, thị trấn Đức phong	Đức Phong	12.000	C	
32	Xây dựng 12 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Minh Hưng, xã Minh Hưng	Minh Hưng	9.600	C	
33	Xây dựng 18 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Kim Đồng, xã Đức Liễu	Đức Liễu	13.200	C	
34	Xây dựng 12 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Tô Vĩnh Diện, xã Bình Minh	Bình Minh	9.600	C	

35	Xây dựng 8 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Phú Sơn, xã Phú Sơn	Phú Sơn	7.200	C	
36	Xây dựng 4 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Thống Nhất, xã Thống Nhất	Thống Nhất	4.800	C	
IV	LĨNH VỰC KHÁC		103.000		
1	Nạo vét mở rộng lòng suối, xây kè, đường đi và hệ thống chiếu sáng suối Đăk Woa (giai đoạn II)	Đức Phông	30.000	C	
2	Xây dựng Hệ thống cấp nước tập trung xã Nghĩa Bình, huyện Bù Đăng	Nghĩa Bình	8.000	C	
3	Nâng cấp, cải tạo Hệ thống cấp nước tập trung xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng	Đức Liễu	5.000	C	
4	Nâng cấp, cải tạo Hệ thống cấp nước tập trung xã Nghĩa Trung, huyện Bù Đăng	Nghĩa Trung	5.000	C	
5	Nâng cấp, cải tạo Hệ thống cấp nước tập trung xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng	Phước Sơn	5.000	C	
6	Nâng cấp, cải tạo Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Sơn, huyện Bù Đăng	Phú Sơn	5.000	C	
7	Nâng cấp, cải tạo Hệ thống cấp nước tập trung xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng	Thọ Sơn	5.000	C	
8	Nâng cấp, cải tạo Hệ thống cấp nước tập trung xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng	Đồng Nai	5.000	C	
9	Cải tạo, nâng cấp chỉnh trang và xây dựng khu chợ phụ chợ Bù Đăng	Đức Phông	5.000	C	
10	Cải tạo, nâng cấp chỉnh trang và xây dựng các chợ ở các xã		30.000	C	